

THÔNG BÁO

Về việc báo cáo nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, tính điểm hỗ trợ trình độ cao, tính tỉ lệ công bố khoa học và thống kê kết quả hoạt động KHCN năm học 2024 - 2025

Căn cứ Thông tư 01/2024/TT-BGD&ĐT ngày 05 tháng 2 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về ban hành Chuẩn cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3223/QĐ-ĐHSP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy chế chi tiêu Nội bộ;

Căn cứ Quyết định số 39/QĐ-ĐHSP ngày 05 tháng 1 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy chế chi tiêu Nội bộ;

Căn cứ Quyết định số 4130/QĐ-ĐHSP ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo trong Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Kế hoạch về hoạt động khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế năm học 2024 - 2025.

Trường thông báo về việc báo cáo nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, tính điểm hỗ trợ trình độ cao, tính tỉ lệ công bố khoa học và thống kê kết quả hoạt động KHCN của cá nhân và khoa chuyên môn năm học 2024 - 2025 theo các nội dung như sau:

1. Kế khai giờ nghiên cứu khoa học của giảng viên, giáo viên thực hành

- Định mức và các hoạt động được quy đổi để tính giờ nghiên cứu khoa học của giảng viên, giáo viên thực hành được quy định tại Điều 6 và Điều 7 (Quyết định số 4130/QĐ-ĐHSP ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo trong Trường Đại học Sư phạm).

- Minh chứng cho các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của năm học 2024 - 2025 được tính từ ngày 01/8/2024 đến 31/7/2025 (Trường hợp các sản phẩm khoa học công bố, nghiệm thu sau ngày 31/5/2024 mà chưa kê khai tính giờ NCKH năm học 2023-2024 thì có thể kê khai vào báo cáo để tính giờ NCKH cho năm học 2024 - 2025).

2. Tính điểm hỗ trợ trình độ cao năm học 2024-2025

- Điểm chuẩn hỗ trợ trình độ cao thực hiện theo Khoản 1, Điều 24, Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành kèm theo Quyết định 39/QĐ-ĐHSP ngày 02/1/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm.



[Handwritten signature]

- Mốc thời gian: Các sản phẩm đáp ứng theo quy định của Quy chế chi tiêu nội bộ trong khoảng **01/08/2024 - 31/7/2025** được sử dụng để tính điểm hỗ trợ trình độ cao.

Đối với các sản phẩm từ ngày **01/01/2025 trở về trước** thì thực hiện tính điểm theo Quy chế chi tiêu Nội bộ ban hành theo Quyết định số 3223/QĐ-ĐHSP ngày 04/10/2024. Đối với các sản phẩm từ ngày **02/01/2025 trở đi** thì thực hiện tính điểm theo Quy chế chi tiêu Nội bộ ban hành theo Quyết định số 39/QĐ-ĐHSP ngày 02/1/2025.

- Điểm công trình khoa học (Bài báo, sách, SHTT) được tính theo Quyết định số 25/QĐ-HĐGSNN phê duyệt Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm năm 2024 của Hội đồng GSNN và Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; thủ tục xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư. Điểm của các loại hình khác thực hiện theo Khoản 1, Điều 24, Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành.

3. Tính tỉ lệ công bố khoa học theo Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT về Chuẩn cơ sở GDDH

- Các khoa căn cứ biên bản giao nhận nhiệm vụ của giảng viên đầu năm học để tính tỉ lệ công bố của các giảng viên, sau đó tính tỉ lệ công bố khoa học của khoa trong năm học 2024-2025.

- Hệ số công bố theo lĩnh vực được thực hiện theo Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT.

- Mốc thời gian: Các sản phẩm KHCN được công bố, xuất bản trong thời gian từ **01/8/2024 - 31/7/2025** được dùng để tính tỉ lệ công bố khoa học.

4. Yêu cầu

- Cá nhân kê khai đầy đủ tất cả các nhiệm vụ khoa học công nghệ đã thực hiện trong năm học để xác định chính xác khối lượng các nhiệm vụ đã thực hiện. Giảng viên đang làm công tác kiêm nhiệm tại các phòng chức năng nộp bản kê khai cho Khoa chuyên môn để kiểm tra, tổng hợp.

- Đối với các nhiệm vụ KHCN, đào tạo SDH không do nhà trường quản lý hay cá nhân tự thực hiện thì cần nộp minh chứng cho nhà trường để làm cơ sở xác định khối lượng nhiệm vụ, cụ thể:

- 1) Đề tài KHCN: File scan thuyết minh đề tài đã duyệt.
- 2) Sách, tài liệu: File scan bìa sách, mục lục và trang cuối (có ghi thông tin lưu chiếu).
- 3) Sở hữu trí tuệ: File scan văn bằng được cấp.
- 4) Đào tạo Sau đại học: File scan quyết định hội đồng bảo vệ luận văn, luận án, hợp đồng giảng dạy SDH. **Lưu ý:** Nhiệm vụ này chỉ áp dụng đối với giảng viên đã được Hiệu trưởng cho phép tham gia đào tạo SDH ở đơn vị khác.

- Trợ lý khoa học các Khoa kiểm tra, rà soát kỹ bản kê khai của giảng viên, giáo viên thực hành trong đơn vị trước khi nộp cho phòng KH-CN&HTQT.

W/ Que

ÔNG
HỌ
PHẠM
THÁI

- Ngoài ra: Minh chứng giờ nghiên cứu khoa học, tính hỗ trợ trình độ cao của các cá nhân: cần cập nhật đầy đủ thông tin trên phần mềm quản lý khoa học của Trường (*không cần nộp bản in*) trước ngày **31/7/2025**. Các trường hợp không cập nhật đủ dữ liệu trên phần mềm quản lý khoa học thì Nhà trường không xác nhận cho sản phẩm đó.

5. Thời gian hoàn thành

Trợ lý khoa học cần nộp các hồ sơ về phòng KH-CN&HTQT trước **17h00** ngày **15/8/2025**, bao gồm:

- 1) Các bản báo cáo kết quả của cá nhân: (**Mẫu 1A**: Dành cho GV là PGS, TS, GVCC; **Mẫu 1B**: Dành cho GV là ThS, CN và GVTH).
- 2) Các bản báo cáo tổng hợp của khoa (Mẫu: 2A, 2B, 2C và 3)
- 3) File báo cáo của đơn vị và cá nhân, các file minh chứng nộp theo đường link: <https://forms.gle/7PEuuyy2ASSqAgnm7>.

Người tiếp nhận hồ sơ: Đ/c Đào Duy Minh (Phòng 210, nhà A2).

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Các đơn vị trong Trường (để t/h);
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Website Trường;
- Lưu: VT, KH-CN&HTQT (03).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Từ Quang Tân



BÁO CÁO NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA GIẢNG VIÊN (LÀ GS, PGS.TS, GVCC, TS)
NĂM HỌC 2024 - 2025

I. Thông tin chung

Họ và tên (ghi rõ học hàm, học vị):
Mã số cán bộ:
Đơn vị:
Chức vụ quản lý, kiêm nhiệm để giảm trừ số giờ NCKH:
Link trên Google Scholar:

Học vị:
Công tác chuyên môn tại Khoa:
Giờ chuẩn NCKH:
Tỉ lệ công bố khoa học đăng ký đầu năm học:
Điểm xét hỗ trợ trình độ cao:
SỐ ORCID:

Chức danh (GS, PSG.TS, GVCC, TS):

(Ghi theo biên bản giao nhận nhiệm vụ năm học)

II. Các nội dung tính giờ NCKH, hỗ trợ trình độ cao, tỉ lệ công bố khoa học

1. Thực hiện các đề tài KHCN (đúng tiến độ, không tính gia hạn, đối với đề tài cấp cơ sở chỉ tính đề tài đã được nghiệm thu trong năm học và chỉ được tính giờ khoa học và hỗ trợ trình độ cao cho 01 năm)

TT	Tên đề tài, Mã số	Cấp	Thời gian thực hiện (theo thuyết minh)	Đơn vị chủ trì	Số thành viên tham gia	Tình trạng (đang thực hiện/đã nghiệm thu)	Vai trò của GV trong đề tài (Chức nhiệm/tham gia)	Số giờ NCKH	Điểm hỗ trợ trình độ cao
1									
2									

2. Công bố bài báo khoa học

TT	Tên bài báo	Thông tin xuất bản (tên tạp chí, số tập, số trang, mã số ISSN/ISBN, số DOI)	Phân loại: SCI, SCIE, SSCI, A&HCI, SCOPUS, ESCI / trong nước	Thời gian công bố		Điểm bài báo theo HĐGS NN	Tác giả/nhóm tác giả (kê đầy đủ theo thứ tự bài báo)	Số tác giả của bài báo	Số tác giả chính	Vai trò của GV (Đứng đầu/liên hệ/tham gia)	Link tra cứu	Số giờ NCKH	Điểm hỗ trợ trình độ cao	Tỉ lệ bài báo		
				Tháng	Năm									Hệ số lĩnh vực	Bài báo WOS, Scopus	Bài báo khác
1																
2																

3. Xuất bản sách chuyên khảo, tham khảo, giáo trình, tài liệu hướng dẫn

TT	Tên sách	Tên các tác giả	Phân loại: giáo trình, chuyên khảo, tham khảo, tài liệu hướng dẫn (ghi rõ)	Thời gian xuất bản (tháng/năm)	Điểm của bài	Số tác	Vai trò	Số giờ	Điểm hỗ	Tỉ lệ sách chuyên khảo (hệ số 3.0)
----	----------	-----------------	--	--------------------------------	--------------	--------	---------	--------	---------	------------------------------------



Chức vụ

TT	Tên sách	gia (ke khai đầy đủ)	số tín chỉ đối với giáo trình, tổng số trang đối với sách, tài liệu HD)	theo thời gian lưu chiểu)	Đạo theo HĐGSNN	Nhà xuất bản	giã	của GV	NCKH	trợ trình độ cao	Hệ số	Tỉ lệ sách chuyên khảo
1												
2												

4. Sở hữu trí tuệ, quyền tác giả, bảo hộ kiểu dáng công nghiệp; tác phẩm nghệ thuật

TT	Sở hữu trí tuệ, quyền tác giả, bảo hộ kiểu dáng công nghiệp; tác phẩm nghệ thuật (Tên tác giả..... (năm.....), Tên ... (Sở hữu trí tuệ, quyền tác giả, bảo hộ kiểu dáng công nghiệp; tác phẩm nghệ thuật), Mã số/QĐ số, Nơi cấp.....)	Phân loại	Điểm của công trình theo HĐGSNN	Thời gian công bố (tính theo thời gian trên quyết định/chứng nhận)	Số tác giả	Vai trò của GV	Số giờ NCKH	Điểm hỗ trợ trình độ cao	Tỉ lệ sử hữu trí tuệ (GPHI, SC) (hệ số 5.0)	
									Hệ số	Tỉ lệ SHTT
2										

5. Tham gia các Hội đồng khoa học; viết thuyết minh, đề xuất, đề án được phê duyệt

TT	Hội đồng khoa học / Tên thuyết minh, đề xuất, đề án được phê duyệt	Vai trò/nhiệm vụ	Số Quyết định, thời gian (Theo QĐ thành lập Hội đồng/QĐ phê duyệt đề xuất, thuyết minh)	Số giờ NCKH
1				
2				

6. Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học

TT	Tên đề tài NCKH sinh viên	Họ tên SV thực hiện đề tài	Vai trò/nhiệm vụ (Hướng dẫn chính/phụ)	Số GV hướng dẫn	Số giờ NCKH
1					
2					

7. Sản phẩm khoa học công nghệ, thành tích thể dục thể thao đạt, giải thưởng cấp trường, Tỉnh/thành, quốc gia, quốc tế

TT	Tên sản phẩm khoa học công nghệ, thành tích thể dục thể thao đạt, giải thưởng (cấp trường, thành phố, tỉnh, quốc gia, quốc tế)	Số lượng	Số người tham gia	Vai trò	Số giờ NCKH	Điểm hỗ trợ trình độ cao
1						
2						

8. Các hoạt động khác hỗ trợ nghiên cứu khoa học

TT	Nội dung hỗ trợ	Số người tham gia	Vai trò	Số giờ NCKH
1				
2				

9. Giảng dạy và hướng dẫn sau đại học

TT	Nội dung đào tạo sau đại học					
1	Giảng dạy Sau đại học	Tên học phần	Dạy cho chuyên ngành	Học kỳ	Lớp	Điểm hỗ trợ trình độ cao
1.1						
1.2						
2	Hướng dẫn Sau đại học	Tên luận văn, luận án	Tên học viên/NCS	Bậc đào tạo	Thời gian bảo vệ	Điểm hỗ trợ trình độ cao
2.1						
2.2						

10. Thực hiện bài giảng E-learning

TT	Tên bài giảng E-learning	Người thực hiện	Vai trò	Số giờ NCKH	Điểm hỗ trợ trình độ cao
1					

Tổng hợp số giờ NCKH, điểm hỗ trợ trình độ cao và tỉ lệ công bố khoa học đã thực hiện trong năm học:

TT	Nội dung	Tổng số giờ NCKH	Tổng điểm hỗ trợ trình độ cao	Tỉ lệ công bố khoa học			
				Tỉ lệ đăng ký đầu năm	Tỉ lệ bài báo WoS, Scopus, SHTT, chuyên khảo	Tỉ lệ bài báo khác	Tự đánh giá
1	Thực hiện các đề tài KHCN						
2	Công bố bài báo khoa học						
3	Xuất bản sách chuyên khảo, tham khảo, giáo trình, tài liệu hướng dẫn						
4	Sở hữu trí tuệ, quyền tác giả, bảo hộ kiểu dáng công nghiệp; tác phẩm nghệ thuật						
5	Tham gia các Hội đồng khoa học; viết thuyết minh, đề xuất, đề án được phê duyệt						
6	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học						
7	Sản phẩm khoa học công nghệ, thành tích thể dục thể thao đạt, giải thưởng cấp trường, Tỉnh/thành, quốc gia, quốc tế						
8	Các hoạt động khác hỗ trợ nghiên cứu khoa học						
9	Giảng dạy và hướng dẫn sau đại học						
10	Thực hiện bài giảng E-learning						
Tổng số giờ NCKH đã thực hiện (I):							
Tổng hợp số giờ NCKH giảm trừ theo quy định:							
1	Số giờ NCKH được giảm trừ theo chức vụ						



[Handwritten signature]

2	Số giờ NCKH được giảm trừ nuôi con nhỏ dưới 36 tháng			
3	Số giờ NCKH được giảm trừ đi học			
Tổng số giờ NCKH được giảm trừ (II):				
Định mức giờ NCKH (III = 586-II):				
Phần trăm (%) số giờ NCKH đã thực hiện (I) so với định mức giờ NCKH (III):			Điểm xét hỗ trợ	Tự đánh giá
Xét hỗ trợ trình độ cao				

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2025

BAN CHỦ NHIỆM KHOA
(kí, ghi rõ họ tên)

TRỢ LÝ KHOA HỌC
(kí, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁO CÁO 
(kí, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Tính giờ các nhiệm vụ KHCN thực hiện theo Quy chế làm việc nhà giáo
- Tính điểm hỗ trợ trình độ cao thực hiện theo quy chế chỉ tiêu nội bộ:
 - (1) Với các sản phẩm khoa học được xuất bản, công bố từ ngày 01/1/2025 trở về trước, tính theo Quy chế chỉ tiêu nội bộ ban hành theo Quyết định số 3223/QĐ-ĐHSP ngày 04/10/2024
 - (2) Với các sản phẩm khoa học được xuất bản, công bố từ ngày 02/1/2025 trở đi thì tính theo Quy chế chỉ tiêu nội bộ ban hành theo Quyết định số 39/QĐ-ĐHSP ngày 01/10/2025
- Điểm của các công trình khoa học (bài báo, sách, SHTT) tính theo Điểm của hội đồng GSNN (tại đây: <http://hdgsnn.gov.vn/tin-tuc/quyet-dinh-so-25-qd-hdgsnn-phe-duyet-danh-muc-tap-chi-khoa-hoc-duoc-tinh-diem-nam-2024-788>)





NĂM HỌC 2024 - 2025

Số ORCID:

1. Thực hiện các đề tài KHCN (đúng tiến độ, không tính gia hạn, đối với đề tài cấp cơ sở chỉ tính đề tài đã được nghiệm thu trong năm học và chỉ được tính giờ khoa học và hỗ trợ trình độ cao cho 01 năm)

TT	Tên đề tài, Mã số	Cấp	Thời gian thực hiện (theo thuyết minh)	Đơn vị chủ trì	Số thành viên tham gia	Tình trạng (đang thực hiện/đã nghiệm thu)	Vai trò của GV trong đề tài (Chủ nhiệm/tham gia)	Số giờ NCKH
1								
2								

[illegible]

TT	Tên sách	Tên các tác giả (kê khai đầy đủ)	Phân loại (giáo trình, chuyên khảo, tham khảo, tài liệu hướng dẫn) (ghi rõ số tín chỉ đối với giáo trình, tổng số trang đối với sách, tài liệu hướng dẫn)	Thời gian xuất bản (tháng/năm - theo thời gian lưu trữ)	Điểm của bài báo theo HĐGSNN	Nhà xuất bản	Số tác giả	Vai trò của GV	Số giờ NCKH	Tỉ lệ sách chuyên khảo (hệ số 3.0)	
										Hệ số	Tỉ lệ sách chuyên khảo

1												
2												

4. Sở hữu trí tuệ, quyền tác giả, bảo hộ kiểu dáng công nghiệp; tác phẩm nghệ thuật

TT	Sở hữu trí tuệ, quyền tác giả, bảo hộ kiểu dáng công nghiệp; tác phẩm nghệ thuật (Tên tác giả..... (năm.....), Tên ... (Sở hữu trí tuệ, quyền tác giả, bảo hộ kiểu dáng công nghiệp; tác phẩm nghệ thuật), Mã số/QĐ số, Nơi cấp.....)	Phân loại	Điểm của công trình theo HĐGSN N	Thời gian công bố (tính theo thời gian trên quyết định/chứng nhận)	Số tác giả	Vai trò của GV	Số giờ NCKH	Tỉ lệ sử hữu trí tuệ (GPHI, SC) (hệ số 5.0)	
								Hệ số	Tỉ lệ SHTT
1									
2									

5. Tham gia các Hội đồng khoa học; viết thuyết minh, đề xuất, đề án được phê duyệt

TT	Hội đồng khoa học / Tên thuyết minh, đề xuất, đề án được phê duyệt		Vai trò/nhiệm vụ	Số Quyết định, thời gian (Theo QĐ thành lập Hội đồng/QĐ phê duyệt đề xuất, thuyết minh)	Số giờ NCKH
1					
2					

6. Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học

TT	Tên đề tài NCKH sinh viên	Họ tên SV thực hiện đề tài	Vai trò/nhiệm vụ (Hướng dẫn chính/phụ)	Số GV hướng dẫn	Số giờ NCKH
1					
2					

7. Sản phẩm khoa học công nghệ, thành tích thể dục thể thao đạt, giải thưởng cấp trường, Tỉnh/thành, quốc gia, quốc tế

TT	Tên sản phẩm khoa học công nghệ, thành tích thể dục thể thao đạt, giải thưởng (cấp trường, thành phố, tỉnh, quốc gia, quốc tế)		Số lượng	Số người tham gia	Vai trò	Số giờ NCKH
1						
2						

8. Các hoạt động khác hỗ trợ nghiên cứu khoa học

TT	Nội dung hỗ trợ		Số người tham gia	Vai trò	Số giờ NCKH
1					
2					

9. Thực hiện bài giảng E-learning

TT	Tên bài giảng E-learning	Người thực hiện	Vai trò	Số giờ NCKH
1				



Handwritten signature

Tổng hợp số giờ NCKH, điểm hỗ trợ trình độ cao và tỉ lệ công bố khoa học đã thực hiện trong năm học:

TT	Nội dung	Tổng số giờ NCKH	Tỉ lệ công bố khoa học			
			Tỉ lệ đăng ký đầu năm	Tỉ lệ bài báo WoS, Scopus, SHTT, chuyên khảo	Tỉ lệ bài báo khác	Tự đánh giá
1	Thực hiện các đề tài KHCN					
2	Công bố bài báo khoa học					
3	Xuất bản sách chuyên khảo, tham khảo, giáo trình, tài liệu hướng dẫn					
4	Sở hữu trí tuệ, quyền tác giả, bảo hộ kiểu dáng công nghiệp; tác phẩm nghệ thuật					
5	Tham gia các Hội đồng khoa học; viết thuyết minh, đề xuất, đề án được phê duyệt					
6	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học					
7	Sản phẩm khoa học công nghệ, thành tích thể dục thể thao đạt, giải thưởng cấp trường, Tỉnh/thành, quốc gia, quốc tế					
8	Các hoạt động khác hỗ trợ nghiên cứu khoa học					
9	Thực hiện bài giảng E-learning					
Tổng số giờ NCKH đã thực hiện (I):						
Tổng hợp số giờ NCKH giảm trừ theo quy định:						
1	Số giờ NCKH được giảm trừ theo chức vụ					
2	Số giờ NCKH được giảm trừ nuôi con nhỏ dưới 36 tháng					
3	Số giờ NCKH được giảm trừ đi học					
Tổng số giờ NCKH được giảm trừ (II):						
Định mức giờ NCKH (III = 586-II):						
Phần trăm (%) số giờ NCKH đã thực hiện (I) so với định mức giờ NCKH (III):						

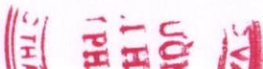
Thái Nguyên, ngày tháng năm 2025

BAN CHỦ NHIỆM KHOA
(kí, ghi rõ họ tên)

TRỢ LÝ KHOA HỌC
(kí, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁO CÁO 
(kí, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:
- Tính giờ các nhiệm vụ KHCN thực hiện theo Quy chế làm việc nhà giáo

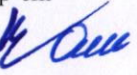


- Tính điểm hỗ trợ trình độ cao thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ:

(1) Với các sản phẩm khoa học được xuất bản, công bố từ ngày 01/1/2025 trở về trước, tính theo Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành theo Quyết định số 3223/QĐ-ĐHSP ngày 04/10/2024

(2) Với các sản phẩm khoa học được xuất bản, công bố từ ngày 02/1/2025 trở đi thì tính theo Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành theo Quyết định số 39/QĐ-ĐHSP ngày 01/10/2025

- Điểm của các công trình khoa học (bài báo, sách, SHTT) tính theo Điểm của hội đồng GSN (tại đây: <http://hdgsnn.gov.vn/tin-tuc/quyet-dinh-so-25-qd-hdgsnn-phe-duyet-danh-muc-tap-chi-khoa-hoc-duoc-tinh-diem-nam-2024-788>)



Khoa:

TT	Họ và Tên	Chức vụ (chỉ kê khai chức vụ được giảm trừ giờ NCKH ở mức cao nhất)	Chức danh, học hàm, học vị	Giờ NCKH			
				Giờ chuẩn NCKH	Giờ định mức theo chức vụ kiêm nhiệm (đã được giảm tương ứng theo chức vụ và các nhiệm vụ khác)	Tổng số giờ NCKH đạt được	Phần trăm (%) số giờ NCKH đạt được so với giờ định mức
1	Nguyễn Văn A	Trưởng khoa	PGS. TS	586	410,2	1580	285,2%
2							
Tổng							

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2025

TRƯỞNG KHOA
(kí, ghi rõ họ tên)





ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

TỔNG HỢP TỈ LỆ CÔNG BỐ KHOA HỌC, NĂM HỌC 2024 - 2025 (Hoặc năm 2025)
Khoa:

TT	Họ và	Tên	Chức vụ (chỉ kê khai chức vụ được giảm trừ giờ NCKH ở mức cao nhất)	Chức danh, học hàm, học vị	Tỉ lệ công bố khoa học				
					Tỉ lệ công bố đăng ký đầu năm học	Tỉ lệ bài báo WoS, Scopus, SHTT, chuyên khảo	Tỉ lệ bài báo khác	Tỉ lệ đạt được	Đánh giá
1	Nguyễn Văn	A	Trưởng khoa	PGS. TS	0,6/0,6	0,8	0,2	0,8/1,0	Vượt
2	Nguyễn Văn	B	Giảng viên	TS	0,3/0,6	0,3	0,2	0,3/0,5	Chưa đạt
...									
Tổng					.../.....	1,1	0,4	/.....	
* Đánh giá tỉ lệ công bố khoa học của đơn vị:			Tổng số giảng viên toàn thời gian	Số bài báo WoS, Scopus, SHTT, chuyên khảo	Số bài báo khác (TN, QTT, KYHT)	Tổng số công bố của đơn vị	Tỉ lệ công bố của đơn vị		
Đạt/ không đạt							WoS, Scopus, SHTT, chuyên khảo	Các loại công bố	
			25	1,1	0,4	1,5	0,044	0,06	

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2025

TRỢ LÝ KHOA HỌC
(kí, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG KHOA 
(kí, ghi rõ họ tên)



Khoa:[illegible]

Không đạt:

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2025

(kí, ghi rõ họ tên)

CHH
PH
H
CHH

THỐNG KÊ KẾT QUẢ, SẢN PHẨM KHOA HỌC CỦA KHOA
NĂM HỌC 2024 - 2025

1. Đề tài KHCN (Kê khai đủ các đề tài trong và ngoài trường)

TT	Tên đề tài	Cấp	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Tình trạng (đang thực hiện/ đã nghiệm thu)	Tên giảng viên của Trường tham gia	Vai trò của GV trong đề tài (Chủ nhiệm/tham gia)
1							
2							
3							

2. Công bố bài báo khoa học

TT	Tên bài báo	Thông tin xuất bản (tên tạp chí, số tập, số trang, mã số ISSN/ISBN, số DOI)	Phân loại: SCI, SCIE, SSCI, A&HCI), SCOPUS, ESCI/ bài trong nước	Thời gian công bố		Điểm của bài báo theo HDGSNN	Tác giả/nhóm tác giả (kê đầy đủ theo thứ tự bài báo)	Số tác giả của bài báo	Số tác giả chính	Vai trò của GV (Đứng đầu/liên hệ/tham gia)	Link tra cứu
				Tháng	Năm						
1								0			
2								0			

3. Xuất bản sách chuyên khảo, tham khảo, giáo trình, tài liệu hướng dẫn

TT	Tên sách	Tên các tác giả (kê khai đầy đủ)	Phân loại (giáo trình, chuyên khảo, tham khảo, tài liệu hướng dẫn) (ghi rõ số tín chỉ đối với giáo trình, tổng số trang đối với sách, tài liệu hướng dẫn)	Thời gian xuất bản (tháng/năm - theo thời gian lưu chiều)	Nhà xuất bản	Sử dụng cho học phần trong chương trình đào tạo (nếu có)	Tên tác giả là GV của trường	Vai trò của GV
1								
2								

4. Sở hữu trí tuệ, quyền tác giả, bảo hộ kiểu dáng công nghiệp; tác phẩm nghệ thuật

TT	Sở hữu trí tuệ, quyền tác giả, bảo hộ kiểu dáng công nghiệp; tác phẩm nghệ thuật (Tên tác giả..... (năm.....), Tên ... (Sở hữu trí tuệ, quyền tác giả, bảo hộ kiểu dáng công nghiệp; tác phẩm nghệ thuật), Mã số/QĐ số, Nơi cấp.....)	Phân loại	Thời gian công bố (tính theo thời gian trên quyết định/chứng nhận)	Tên các tác giả	Số tác giả	Tên tác giả là GV của trường
1						
2						

5. Hướng dẫn, hỗ trợ học sinh phổ thông thi KHKT, khởi nghiệp

TT	Tên đề tài, dự án	Đơn vị đã hỗ trợ	Đạt giải, cấp	Vai trò của GV
1				
2				

6. Sản phẩm đã chuyển giao cho đơn vị, trường phổ thông

TT	Tên sản phẩm đã chuyển giao	Đơn vị nhận chuyển giao	Ghi chú (Là sản phẩm của đề tài nào)
1			
2			

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2025

TRỢ LÝ KHOA HỌC
(kí, ghi rõ họ tên)

BAN CHỦ NHIỆM KHOA 
(kí, ghi rõ họ tên)

